Phụ lục

QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHI, MỨC CHI CÔNG TÁC Y TẾ - DÂN SỐ GIAI ĐOẠN 2024 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số ..... /2024/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Chương 1

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHUNG

Điều 1. Nội dung và mức chi chung của chương trình

1. Chi xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: mức chi theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn: mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa IX kỳ họp thứ 14 ban hành quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ.

3. Chi tổ chức hội nghị về lập kế hoạch, triển khai thực hiện, hội nghị sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình và các hoạt động thành phần thuộc chương trình: nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

4. Chi tổ chức hội thảo khoa học trong nước, chi các hoạt động nghiên cứu, phục vụ nội dung chuyên môn của chương trình theo đề cương nghiên cứu được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, học tập, trao đổi kinh nghiệm và hợp tác quốc tế để tăng cường năng lực và triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động của chương trình: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 71/2018/TT-BTC) và Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

6. Chi điều tra, khảo sát, thống kê theo nội dung chuyên môn của từng chương trình: nội dung và mức chi sẽ thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ.

7. Chi xây dựng, quản lý, sử dụng, cập nhật cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý dữ liệu; xây dựng, cập nhật và quản lý thông tin của các dự án, chương trình trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử:

a) Đối với các trường hợp xây dựng dự án, mức chi căn cứ dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập dự án ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý dự án ứng dụng công nghệ thông tin; Một số quy định hiện hành như sau:

- Lập và quản lý chi phí dự án ứng dụng công nghệ thông tin: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

- Chi phí thẩm định dự án: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

- Chi xây dựng, nâng cấp phần mềm nội bộ: thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ.

b) Đối với nội dung chi ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

c) Chi nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử: thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

d) Chi chuẩn hóa dữ liệu: mức chi trên cơ sở tham khảo định mức kinh tế-kỹ thuật theo Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

đ) Chi cải tạo, sửa chữa hạ tầng, mua sắm tài sản, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

e) Chi thuê bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ trang thiết bị thuộc cơ sở hạ tầng thông tin, duy trì dịch vụ mạng (bao gồm thuê đường truyền, băng thông, duy trì tên miền, địa chỉ IP, thu thập, lưu trữ và truyền tải thông tin, các dịch vụ trực tuyến khác): thực hiện theo hợp đồng, hoá đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

8. Chi thuê chuyên gia trong nước theo quyết định của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình. Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật về đấu thầu.

9. Chi mua thuốc, mẫu thực phẩm, trang thiết bị y tế, vật tư y tế, bơm kim tiêm và hộp an toàn (phục vụ cho Tiêm chủng mở rộng), sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ, vật dụng đặc thù, trang thiết bị (đào tạo, truyền thông, tin học và quản lý) dùng cho hoạt động chuyên môn của từng chương trình (bao gồm cả mua phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn để học viên thực hành lâm sàng và tiền lâm sàng (nếu có)). Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

10. Chi tiêu hủy bơm kim tiêm, thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, vật tư, rác thải y tế độc hại, hóa chất hết hạn sử dụng (nếu có) thuộc chương trình; tiêu hủy hàng vô chủ là thực phẩm, nguyên liệu, vật tư, hóa chất sản xuất, chế biến thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm (đã bao gồm thực phẩm giả, thực phẩm nhái, thực phẩm kém chất lượng, thực phẩm không đảm bảo an toàn) phát hiện trong các đợt kiểm tra, giám sát thuộc chương trình theo quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Mua nhiên liệu, hóa chất, vật tư dùng cho tiêu hủy (nếu có);

b) Thuê kho lưu giữ vật tư, hóa chất, mầm bệnh độc phải thực hiện tiêu hủy;

c) Thuê máy móc, thiết bị phục vụ tiêu hủy (nếu cần thiết);

Mức chi quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hợp đồng, hóa đơn, các chứng từ chi tiêu hợp pháp phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thực hiện ở địa phương.

d) Chi vận chuyển: thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, thực phẩm, nguyên liệu sản xuất, chế biến thực phẩm; vật tư, hóa chất phục vụ sản xuất, kinh doanh cần tiêu hủy; trang thiết bị, người tham gia phục vụ tiêu hủy. Mức chi theo quy định tại khoản 13 Điều này Quy định này;

đ) Thuê nhân công thực hiện việc tiêu hủy (nếu có): mức chi bằng 1,5 mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Trường hợp phải thuê cơ quan, đơn vị khác thực hiện việc tiêu hủy: mức chi thực hiện theo hợp đồng, hóa đơn của đơn vị thực hiện tiêu hủy.

11. Chi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ và hiệu chỉnh các trang thiết bị, kho bảo quản (thuốc, phương tiện tránh thai, sinh phẩm, mẫu bệnh phẩm, vật tư, hóa chất) phục vụ hoạt động chuyên môn của từng chương trình do

cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và quy định của pháp luật về đấu thầu.

12. Chi vận chuyển hàng hóa, mẫu bệnh phẩm, mẫu xét nghiệm từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm để phục vụ hoạt động chuyên môn của từng chương trình, máy móc, trang thiết bị; chi phí đi lại của cán bộ y tế, dân số, người phục vụ, cộng tác viên và đối tượng trong các đợt khám sàng lọc, phát hiện và triển khai các chiến dịch:

a) Trường hợp đi lại, vận chuyển bằng các phương tiện công cộng: mức chi theo giá vé phương tiện vận tải công cộng;

b) Trường hợp vận chuyển theo đường bưu điện: mức chi theo giá dịch vụ bưu chính hiện hành;

c) Trường hợp thuê phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết): thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc sử dụng phương tiện vận chuyển. Mức chi theo hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện (có tính đến giá vận tải phương tiện khác đang thực hiện cùng thời điểm tại vùng đó) trong phạm vi dự toán được giao;

d) Trường hợp tự túc phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết): mức chi tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng;

Trường hợp vận chuyển nhiều hàng hóa, trang thiết bị, mẫu bệnh phẩm và con người trên cùng một phương tiện thì mức thanh toán tối đa không quá mức quy định nêu trên.

13. Chi dịch thuật:

a) Dịch tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 71/2018/TT-BTC;

b) Chi phiên dịch (dịch nói) từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại: mức tiền công áp dụng bằng mức chi thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC;

c) Chi dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại: áp dụng mức chi dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

14. Chi hỗ trợ người cho và lấy mẫu xét nghiệm theo quy định về chuyên môn y tế để xác định các bệnh thuộc chương trình trong các cuộc điều tra, thanh tra, kiểm tra, giám sát, bao gồm:

a) Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu (trừ mẫu dịch não tủy): 8.000 đồng/mẫu;

b) Chi hỗ trợ người lấy mẫu dịch não tủy: 30.000 đồng/mẫu;

c) Chi hỗ trợ người cho mẫu máu tĩnh mạch: 30.000 đồng/mẫu, người cho mẫu máu mao mạch: 10.000 đồng/mẫu;

15. Chi công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật tại các tuyến và hướng dẫn thực hiện các hoạt động chuyên môn thuộc chương trình:

a) Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC

Đối với đoàn công tác kiểm tra, đánh giá liên ngành, liên cơ quan: cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi phí cho chuyến công tác theo chế độ quy định (tiền tàu xe đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở nơi đến và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc) cho các thành viên trong đoàn. Để tránh chi trùng lắp, cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác thông báo bằng văn bản (trong giấy mời, giấy triệu tập) cho cơ quan, đơn vị cử người đi công tác không phải thanh toán các khoản chi này;

b) Trường hợp đi giám sát dịch tễ học, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát dinh dưỡng, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mất cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh, tật bẩm sinh, giám sát nước sạch vệ sinh môi trường, giám sát vệ sinh lao động, giám sát điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi của các chương trình, cán bộ y tế, dân số đi giám sát được hỗ trợ mức 50.000 đồng/người/ngày đi giám sát ngoài chế độ công tác phí quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Ngoài ra, tùy thuộc vào yêu cầu của mỗi cuộc kiểm tra, thanh tra, giám sát được sử dụng kinh phí của chương trình để thực hiện thêm một số nội dung như sau:

- Lấy, bảo quản hoặc mua mẫu xét nghiệm, mẫu phân tích: lấy mẫu theo quy định tại khoản 15 Điều này; việc bảo quản, mua mẫu theo chứng từ, hoá đơn hợp lệ và phù hợp với giá cả thị trường của địa phương tại thời điểm lấy mẫu;

- Vận chuyển phân tích từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm: theo quy định tại khoản 13 Điều này;

- Chi xét nghiệm, kiểm nghiệm mẫu: mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở y tế công lập hiện hành. Đối với dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm chuyển từ phí sang cơ chế giá không thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá: mức chi theo giá của đơn vị cung cấp dịch vụ;

- Chi khảo sát, điều tra, thống kê dịch tễ: theo quy định tại khoản 6 Điều này.

16. Chi tổ chức tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung chương trình

a) Trường hợp tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn tập trung:

- Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phông, bạt (nếu có): mức chi thực hiện theo hợp đồng (trong trường hợp thuê dịch vụ) hoặc giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp (giấy biên nhận hoặc hóa đơn);

- Tiền nước uống cho người tham dự: theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

- Chi thù lao người thực hiện tư vấn: mức chi thực hiện theo Nghị quyết của HĐND thành phố đã ban hành. Trường hợp báo cáo viên là cộng tác viên, nhân viên y tế xã, phường, thị trấn: áp dụng mức chi cho giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống.

b) Riêng trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, lao kháng thuốc, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế:

Thù lao người thực hiện tư vấn: 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng. Số lượng người tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số tại địa phương quyết định theo hướng dẫn cụ thể từng chương trình của Bộ Y tế.

c) Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng:

Được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và được bồi dưỡng theo đối tượng tư vấn với mức 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng. Riêng tư vấn về an toàn thực phẩm, mức chi 30.000 đồng/cơ sở được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 450.000 đồng/người tư vấn/tháng.

17. Chi tổ chức khám sàng lọc, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc, chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng đối với các bệnh, các hoạt động thuộc các chương trình. Nội dung chi và mức chi bao gồm:

a) Chi phí xét nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm sinh thiết, làm tiêu bản mô bệnh học và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế (nếu có). Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở y tế công lập hiện hành.

b) Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí hiện hành

* Trường hợp là người đang hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước:

- Người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sỹ, y sỹ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm): mức chi là 90.000 đồng/người/ngày khi thực hiện;

- Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: mức chi 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện.

* Trường hợp là người không hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước:

- Người trực tiếp khám, xét nghiệm: mức chi bằng 208.000 đồng/người/ngày;

- Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc (bao gồm cộng tác viên, tổ tự quản khóm, ấp): mức chi bằng 160.000 đồng/người/ngày.

c) Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phông, bạt (nếu có), thanh toán tiền nhiên liệu, điện, nước, vật tư y tế phục vụ công tác khám sàng lọc: mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở hóa đơn và chứng từ chi tiêu hợp pháp.

Thời gian thực hiện một đợt khám tại một cụm khám và số lượng đối tượng khám tối thiểu/ngày theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế;

Người tham gia khám sàng lọc chỉ được hưởng 01 mức chi theo quy định tại Điều này hoặc theo quy định về nội dung chi đặc thù hoạt động của chương trình (nếu có).

18. Chi hỗ trợ cán bộ chuyên trách các chương trình y tế tại xã, phường, thị trấn

a) Đối với các xã, phường, thị trấn: 150.000 đồng/người/tháng/chương trình (Chương trình Tiêm chủng mở rộng; An toàn vệ sinh thực phẩm, phòng, chống HIV/AIDS; Dinh Dưỡng; Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học; Quân dân y kết hợp) hoặc 01 bệnh của chương trình Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến của quy định này.

Trường hợp cán bộ chuyên trách được phân công hỗ trợ nhiều chương trình (Chương trình Tiêm chủng mở rộng; An toàn vệ sinh thực phẩm, phòng, chống HIV/AIDS; Dinh Dưỡng; Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học; Quân dân y kết hợp) hoặc nhiều bệnh của chương trình phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến thì cứ mỗi chương trình hoặc 01 bệnh/hoạt động tăng thêm, cán bộ chuyên trách được hỗ trợ thêm 50.000 đồng/tháng.

b) Chi cập nhật thông tin, báo cáo hoạt động của cộng tác viên các chương trình. Nội dung và mức chi như sau:

- Chi in mẫu phiếu: số lượng phiếu thu tin/ mẫu báo cáo và giá in theo giá thực tế tại thời điểm thực hiện;

- Chi cập nhật thông tin, báo cáo hoạt động của cộng tác viên các chương trình: tối đa 10.000 đồng/phiếu thu tin/báo cáo;

- Chi phí thẩm định phiếu/báo cáo: 500 đồng/ phiếu thu tin/báo cáo;

- Chi phí cập nhật, tổng hợp thông tin từ phiếu thu tin/báo cáo vào kho dữ liệu hoặc phần mềm: 1.000 đồng/ phiếu thu tin/báo cáo.

19. Chi hỗ trợ cơ sở y tế xây dựng, triển khai mô hình quản lý, phát hiện và ghi nhận bệnh nhân các bệnh không lây nhiễm (gồm bệnh đái tháo đường,

tăng huyết áp, tai biến mạch não/đột quỵ não, nhồi máu cơ tim, ung thư, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, hen phế quản, sức khỏe tâm thần) theo quy định của Bộ Y tế. Mức chi: 200.000 đồng/loại bệnh/cơ sở y tế/tháng để thực hiện các nội dung sau:

- Lập phiếu đánh giá nguy cơ bệnh, lập phiếu ghi nhận, lập bảng phỏng vấn bệnh nhân (nếu có);

- Lập hồ sơ bệnh án hoặc sổ theo dõi định kỳ bệnh nhân theo yêu cầu của chương trình;

- Tư vấn phòng, chống các bệnh không lây nhiễm (bao gồm cả hướng dẫn về tuân thủ điều trị và tư vấn chăm sóc sức khỏe).

20. Thuê phần mềm tiêm chủng, thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia, phần mềm quản lý bệnh nhân điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế và ARV; thuê kho bảo quản vắc xin, phương tiện tránh thai; mua bảo hiểm kho vắc xin; chi bồi thường tiêm chủng; hỗ trợ công tiêm chủng cho một số đơn vị.

21. Chi thuê kiểm toán độc lập trong trường hợp Kiểm toán Nhà nước không tiến hành kiểm toán hàng năm (nếu thấy cần thiết): thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

22. Chi thẩm định các ca tử vong khi triển khai các hoạt động thuộc chương trình trong trường hợp cần thiết theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

- Chi họp Hội đồng thẩm định: áp dụng mức chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ khoa học công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN;

- Chi công tác phí (nếu có): mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

23. Chi khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức, triển khai thực hiện chương trình theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

24. Chi từ nguồn vốn đối ứng của các dự án viện trợ: nội dung chi theo Hiệp định hoặc Thỏa thuận với nhà tài trợ. Mức chi theo chế độ chi tiêu hiện hành, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trong phạm vi dự toán được giao.

25. Chi tổng hợp, thẩm đinh, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí chương trình thực hiện theo quy định và các văn bản hướng dẫn thi hành:

- Chi tổng hợp, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí chương trình thực hiện theo quy định và các văn bản hướng dẫn thi hành: mức chi tối đa 2.000.000đ/chương trình;

- Chi thẩm đinh, phân bổ dự toán kinh phí chương trình thực hiện theo quy định và các văn bản hướng dẫn thi hành: mức chi tối đa 3.000.000đ/đơn vị.

26. Chi hỗ trợ chi phí đi lại (một lượt di và về, tối đa 03 lần) đối với bệnh nhân thuộc hộ nghèo đến kiểm tra tình hình bệnh tại cơ sở y tế chuyên khoa từ tuyến huyện trở lên (đối với các bệnh không thuộc danh mục bệnh được cơ quan BHXH chi trả và chưa được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) theo chỉ định của bác sĩ sau khi khám, sàng lọc, phát hiện tại cộng đồng: mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều này, trong phạm vi dự toán được giao.

Chương 2

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ BỆNH TRUYỀN NHIỄM NGUY HIỂM VÀ CÁC BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM PHỔ BIẾN

Điều 2. Hoạt động phòng, chống phong

1. Chi mua vật dụng đặc thù để cấp cho bệnh nhân phong thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí hiện hành: mức chi như sau:

a) Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6-9 tháng: 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều;

b) Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12-18 tháng: 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

3. Bệnh nhân phong thuộc hộ nghèo được hỗ trợ

a) Dụng cụ phục hồi chức năng cho bệnh nhân phong bị khuyết tật theo quy định tại Điều 12 Quy định này;

b) Trường hợp bệnh nhân nạo vét lỗ đáo điều trị tại Trạm Y tế xã, cơ sở y tế khu vực được hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ không quá 20 ngày.

4. Chi thù lao cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán: mức chi 200.000 đồng/bệnh nhân.

Điều 3. Hoạt động phòng, chống lao

1. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học) tại cộng đồng: mức chi 30.000 đồng/bệnh nhân lao, lao kháng thuốc có bằng chứng vi khuẩn học.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế xã trực tiếp khám và giới thiệu bệnh nhân thành công tới tổ chống lao tuyến huyện: mức chi 220.000 đồng/xã/tháng.

3. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát, theo dõi biến cố bất lợi, tư vấn tuân thủ điều trị bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian theo hướng dẫn của Bộ Y tế (Dự án phòng, chống lao quốc gia):

Mức chi: 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6 - 8 tháng; 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 150.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 300.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

Điều 4. Hoạt động phòng, chống sốt rét

1. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt rét tại gia đình:

a) Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu;

b) Xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm): 600.000 đồng/mẫu;

c) Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt rét (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu;

d) Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi: 300.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng.

3. Chi trả công người làm mồi cho muỗi đốt và người đi bắt muỗi gây bệnh sốt rét: 130.000 đồng/người/ngày.

4. Chi trả công người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: mức chi 30.000 đồng/ người/ giờ.

Điều 5. Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết

1. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt xuất huyết tại gia đình:

a) Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu;

b) Xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm): 600.000 đồng/mẫu;

c) Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu;

d) Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

2. Hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút, người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi, người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch như sau:

a) Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút: 40.000 đồng/mẫu;

b) Hỗ trợ xử lý ổ dịch sốt xuất huyết: (công vận động tuyên truyền, diệt lăng quăng, phun hóa chất, giám sát): mức chi hỗ trợ xử lý ổ dịch sốt xuất huyết 120.000 đồng/người/ổ dịch/ngày;

c) Chi trả công cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình): 3.000 đồng/hộ/lần, mức chi một ngày tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

d) Chi trả công người đi bắt muỗi gây bệnh sốt xuất huyết: 100.000 đồng/người/ngày;

e) Chi phụ cấp chống dịch (tuyến thành phố điều tra véc tơ 05 ngày/ổ dịch): mức chi 100.000 đồng/ngày/người theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011.

Điều 6. Bảo vệ sức khỏe tâm thần

1. Chi phát hiện, quản lý và điều trị sớm cho bệnh nhân tâm thần

Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi.

2. Hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình, hỗ trợ nhân viên y tế khóm, ấp tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng mức chi như sau:

a) Hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình: 150.000 đồng/xã, phường, thị trấn/tháng;

b) Hỗ trợ nhân viên y tế tổ, ấp tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng: 50.000 đồng/bệnh nhân/tháng nhưng không quá 500.000 đồng/tổ, ấp/tháng.

3. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế lập bệnh án cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng: 50.000 đồng/bệnh án.

Điều 7. Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt

Chi hỗ trợ cán bộ y tế trong đợt khám sàng lọc, chiến dịch:

1. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: 20.000 đồng/mẫu;

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu, mức chi: 5.000 đồng/mẫu;

3. Chi công xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt 3.000 đồng/mẫu;

4. Chi công khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát 10.000 đồng/người được khám;

5. Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu: 10.000 đồng/người;

6. Chi công Xét nghiệm I ốt niệu và I ốt trong muối I ốt là hoạt động thường qui của y tế cơ sở (hàng năm): 10.000 đồng/người;

7. Chi công lấy nước tiểu của người dân để xét nghiệm I ốt niệu (Chỉ lấy nước tiểu của phụ nữ tuổi sinh đẻ): 10.000 đồng/mẫu;

8. Chi công lấy mẫu muối i ốt tại hộ dân để xét nghiệm nồng độ I ốt trong muối ăn có I ốt: 5.000 đồng/mẫu;

9. Chi công xét nghiệm I ốt trong nước tiểu tại labo: 5.000 đồng/mẫu.

Điều 8. Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản

Chi hỗ trợ cán bộ y tế cơ sở hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng: mức chi là 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/cán bộ y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

Điều 9. Hoạt động y tế trường học

1. Chi hỗ trợ lồng ghép giảng dạy các kiến thức phòng, chống bệnh, tật học đường trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân:

- Chi hỗ trợ soạn giáo trình về y tế học đường: theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp;

- Chi thù lao giảng viên dạy chuyên đề về y tế học đường: mức chi theo khoản 2 Điều 1 quy định này.

2. Chi hỗ trợ tổ chức khám sàng lọc và khám lưu động tại trường học nhằm phát hiện các bệnh về mắt, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, rối loạn sức khỏe tâm thần và các bệnh tật học đường khác cho học sinh: mức chi theo khoản 17 Điều 1 quy định này.

3. Chi hỗ trợ cán bộ phụ trách chương trình y tế trường học tại trạm y tế xã, phường, thị trấn và các trường học mầm non, phổ thông trên địa bàn: mức chi 150.000 đồng/người/tháng.

Chương 3

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA CHƯƠNG TRÌNH TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG

Điều 10. Chương trình Tiêm chủng mở rộng

1. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 8 liều theo quy định của chương trình: mức chi đối với các xã, phường, thị trấn 12.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (tương đương 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin);

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vacxin từ 12 tháng tuổi trở lên tiếp tục tiêm các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng thường xuyên và các chiến dịch tiêm chủng. Mức chi đối với các xã, phường, thị trấn: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm);

3. Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ: mức chi đối với các xã, phường, thị trấn: 2.000 đồng/mũi;

4. Chi giám sát, điều tra một trường hợp liệt mềm cấp từ ngày phát hiện bệnh đến ngày thứ 60, lấy và chuyển bệnh phẩm theo quy định: mức chi đối với các xã, phường, thị trấn: 400.000 đồng/ca bệnh;

5. Chi giám sát, điều tra một trường hợp nghi uốn ván sơ sinh, nghi sởi, nghi rubella, nghi viêm não Nhật Bản, chết sơ sinh từ ngày phát hiện ca bệnh, điều tra và hoàn thành phiếu điều tra theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Mức chi đối với các xã, phường, thị trấn: 150.000 đồng/ca bệnh.

Chương 4

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

Điều 11. Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (sau đây viết tắt là KHHGĐ)

1. Chi cho hoạt động thực hiện mô hình sinh đủ hai con; chi cho hoạt động chương trình tư vấn- khám sức khỏe trước khi kết hôn; chi cho hoạt động chương trình giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Nội dung và mức chi theo khoản 3 Điều 1 Quy định này.

2. Chi mua, tiếp nhận và bảo quản phương tiện tránh thai (sau đây viết tắt là PTTT)

a) Mức chi theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Chi vận chuyển PTTT theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Quy định này.

3. Chi thực hiện dịch vụ KHHGĐ, xử lý tai biến theo chuyên môn y tế đối với đối tượng tự nguyện triệt sản và người được cấp miễn phí phương tiện tránh thai.

a) Chi thực hiện dịch vụ KHHGĐ và xử lý tai biến theo chuyên môn y tế: mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành;

b) Chi tiền công tiêm thuốc tránh thai: theo giá dịch vụ tiêm hiện hành đối với cơ sở y tế công lập;

c) Hỗ trợ chi phí đi lại (một lượt đi và về) cho bệnh nhân thuộc hộ nghèo, người tự nguyện triệt sản hoặc được cấp PTTT (vòng, thuốc tiêm, thuốc cấy) miễn phí bị tai biến theo chuyên môn y tế đến kiểm tra tình hình bệnh tại cơ sở y tế chuyên khoa từ tuyến huyện trở lên (đối với các bệnh không thuộc danh mục bệnh do Bảo hiểm y tế chi trả và chưa được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) theo chỉ định của bác sĩ sau khi khám, sàng lọc phát hiện tại cộng đồng: mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Quy định này.

4. Hoạt động sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh

a) Đối tượng miễn phí thực hiện gói dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh

cơ bản gồm đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; vùng nhiễm chất độc đioxin; xã vùng dân tộc thiểu số và chưa có thẻ BHYT.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Khám, siêu âm, xét nghiệm (bao gồm cả chi phí lấy mẫu máu, gửi mẫu) cần thiết để thực hiện tầm soát chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế của Bộ Y tế quy định. Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập (Sàng lọc trước sinh cho bà mẹ mang thai: xét nghiệm tầm soát 4 bệnh; Sàng lọc sơ sinh cho trẻ sau sinh: xét nghiệm tầm soát 5 bệnh) và giá cước dịch vụ bưu điện;

- Chi gửi thông báo kết quả xét nghiệm sàng lọc của đối tượng (bao gồm kết quả âm tính hoặc dương tính) theo giá cước dịch vụ bưu điện hiện hành (nếu có);

- Chi phí đi lại khi phải chuyển tuyến theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật và chỉ định của bác sĩ tại cơ sở khám chữa bệnh thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo thẩm quyền. Mức chi theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Quy định này.

Điều 12. Chi hỗ trợ người khuyết tật thuộc hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật dưới 6 tuổi (sau đây gọi chung là người khuyết tật) tham gia mô hình phục hồi chức năng

1. Chi phẫu thuật - chỉnh hình (nếu có) trong trường hợp người khuyết tật không được Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán: mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập;

2. Chi hỗ trợ dụng cụ chỉnh hình (nếu có): 650.000 đồng/bệnh nhân;

3. Chi hỗ trợ dụng cụ tập phục hồi chức năng phù hợp với người khuyết tật: 1.300.000 đồng/bệnh nhân.

Điều 13. Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Chi hỗ trợ đi lại cho tình nguyện viên chăm sóc người cao tuổi tại nhà: mức chi 50.000 đồng/TNV/quý.

Điều 14. Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

1. Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: thực hiện theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp;

2. Chi mua, vận chuyển các sản phẩm dinh dưỡng cấp miễn phí cho phụ nữ mang thai, phụ nữ đang cho con bú và trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội. Việc mua sắm, vận chuyển theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 35 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng. Mức chi đối với xã, phường, thị trấn: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống);

4. Chi hỗ trợ cán bộ y tế, cộng tác viên trực tiếp thực hiện xét nghiệm, cân, đo đánh giá trình trạng dinh dưỡng trẻ em (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 50.000 đồng/người/buổi.

Chương 5

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA CHƯƠNG TRÌNH AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 15. Chương trình An toàn thực phẩm (sau đây viết tắt là ATTP)

1. Chi triển khai kỹ thuật và thẩm định phương pháp thử; triển khai phương pháp thử nghiệm quốc tế, khu vực, đánh giá chất lượng phòng kiểm nghiệm:

a) Chi thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng. Nội dung và mức chi đặc thù bao gồm:

- Chi xây dựng đề cương dự kiến chương trình thử nghiệm: 1.000.000 đồng/đề cương;

- Tổng hợp, xử lý kết quả phân tích của các phòng kiểm nghiệm: 1.000.000 đồng/báo cáo;

- Chi thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng quốc tế và trong nước: mức chi theo hợp đồng, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp;

- Gửi kết quả phân tích cho cơ quan, đơn vị quản lý theo quy định: mức chi theo giá cước dịch vụ bưu chính.

b) Chi thuê hiệu chuẩn trang thiết bị kiểm nghiệm phục vụ chương trình: mức chi theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

c) Chi chuẩn hóa phòng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2005 đối với các cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm:

- Xây dựng, chuẩn hóa phương pháp thử ISO: 500.000 đồng/phương pháp thử;

- Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa: mức chi 100.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 500.000 đồng/người/tháng.

d) Chi đánh giá nội bộ tối đa không quá 2 lần/năm:

- Chi xây dựng đề cương đánh giá nội bộ: 1.000.000 đồng/đề cương;

- Tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá nội bộ: 1.000.000 đồng/báo cáo;

- Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa tài liệu, giám sát đánh giá nội bộ: 200.000 đồng/cán bộ/đợt đánh giá; tối đa không quá 5 cán bộ/đợt đánh giá.

e) Chi thuê đánh giá giám sát bên ngoài nhằm mở rộng, duy trì hệ thống ISO 17025:2005: mức chi theo giá dịch vụ, theo quy định của pháp luật về giá.

2. Chi phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm

a) Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm;

b) Chi thù lao người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ thù lao này) mức chi như sau:

- Tại khu vực lũ lụt, thiên tai, thảm họa, ổ bệnh dịch truyền qua thực phẩm: mức chi 150.000 đồng/người/ngày;

- Tại các khu vực, địa điểm khác: mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

c) Chi xây dựng mô hình bảo đảm an toàn thực phẩm đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố, bếp ăn tập thể tại địa phương. Nội dung theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương 6

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS

Điều 16. Chương trình Phòng, chống HIV/AIDS

1. Tăng cường xét nghiệm phát hiện HIV/AIDS

a) Chi xét nghiệm HIV, nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (sau đây viết tắt là STI) phục vụ các hoạt động chuyên môn của chương trình trong các đợt giám sát dịch tễ học HIV/AIDS, giám sát các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (gồm giám sát trọng điểm, giám sát phát hiện, giám sát trọng điểm lồng ghép giám sát hành vi và các chỉ số sinh học) của các đối tượng bắt buộc phải xét nghiệm HIV theo quy định của pháp luật (bao gồm cả các đợt điều tra, phục vụ nghiên cứu): mức chi áp dụng theo giá dịch vụ khám chữa bệnh, giá dịch vụ khám và điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV công lập;

b) Chi hỗ trợ xét nghiệm tìm các chất ma túy trong máu, nước tiểu và các xét nghiệm thường quy khác theo quy định của Bộ Y tế đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. Mức chi áp dụng theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, giá dịch vụ khám và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế công lập;

c) Chi hỗ trợ đối tượng nguy cơ cao cho mẫu máu, bệnh phẩm xét nghiệm phát hiện HIV/AIDS: 30.000 đồng/mẫu.

2. Chi triển khai can thiệp giảm tác hại và dự phòng lây nhiễm HIV

a) Chi phụ cấp cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 840.000 đồng/người/tháng. Nhân viên tiếp cận cộng đồng đưa được đối tượng nguy cơ cao đi xét nghiệm có kết quả dương tính hoặc điều trị thuốc kháng HIV thì được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng, nhưng không quá 600.000 đồng/tháng. Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng chế độ thù lao từ nguồn kinh phí chương trình và ngược lại;

b) Chi hỗ trợ sinh hoạt nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng hàng tháng: hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng: 10.000 đồng/thành viên/tháng, nhưng tối đa 1.200.000 đồng/nhóm/năm;

c) Chi thăm hỏi khi thành viên trong nhóm tiếp cận cộng đồng bị ốm đau: 100.000 đồng/lần, tối đa 3 lần/năm;

d) Trợ cấp một lần đối với thành viên tuyên truyền viên đồng đẳng có nhiều thành tích đóng góp trong công tác phòng, chống HIV/AIDS có hoàn cảnh khó khăn: 200.000 đồng/thành viên;

đ) In sổ tay ghi chép, tài liệu, phương tiện truyền thông, bảo hộ thu gom vật dụng can thiệp, đồng phục cho cộng tác viên, nhân viên tiếp cận cộng đồng: mức chi thực hiện theo hợp đồng hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật;

e) Chi hoạt động ngoại kiểm phòng xét nghiệm HIV nhằm đảm bảo chất lượng, tránh sai sót với kết quả xét nghiệm HIV: mức chi theo hóa đơn thực tế;

g) Chi trực ngoài giờ tại cơ sở điều trị Methadone: mức chi theo Bộ luật Lao động năm 2019 ngày 20/11/2019; hướng dẫn chi tiết tại Điều 55 và Điều 57 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020;

h) Chi phí thực hiện các xét nghiệm cơ bản cho bệnh nhân phục vụ theo dõi điều trị Methadone (không quá 300.000đồng/bệnh nhân/năm): mức chi áp dụng theo giá dịch vụ khám bệnh và chữa bệnh do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và chỉ hỗ trợ những trường hợp xét nghiệm không thanh toán BHYT) tại Điều 4, Thông tư số 73/2017/TT-BTC.

3. Chi hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con

a) Hỗ trợ chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội cho người bị nhiễm HIV do tai nạn nghề nghiệp, rủi ro của kỹ thuật y tế, người dân có nguy cơ rủi ro lây nhiễm HIV khi tham gia cứu nạn, phòng tội phạm, phụ nữ mang thai, trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, người dân tộc thiểu số (trừ đối tượng đã được cơ quan bảo hiểm xã hội thanh toán chi phí khám chữa bệnh từ nguồn quỹ Bảo hiểm y tế hoặc được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) với mức chi là 200.000 đồng/người/năm;

b) Hỗ trợ tình nguyện viên tham gia chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV tại cộng đồng: mức chi 350.000 đồng/người/tháng;

c) Chi phí thực hiện các xét nghiệm cơ bản cho bệnh nhân điều trị HIV (không quá 400.000đồng/bệnh nhân/năm), Mức chi áp dụng theo giá dịch vụ khám bệnh và chữa bệnh do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và chỉ hỗ trợ những trường hợp xét nghiệm không thanh toán BHYT;

d) Hỗ trợ dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con: chi xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai tự nguyện xét nghiệm HIV, trẻ em dưới 18 tháng tuổi sinh ra từ người mẹ nhiễm HIV/AIDS. Mức chi áp dụng theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, giá dịch vụ khám và điều trị HIV/AIDS do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở điều trị HIV/AIDS công lập.

Chương 7

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐẢM BẢO MÁU AN TOÀN VÀ PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ BỆNH LÝ HUYẾT HỌC

Điều 17. Chương trình Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học

1. Tổ chức Hội thảo về Thalassemia cập nhật kiến thức chuyên môn cho đối tượng là bác sĩ nhằm mục đích phát hiện các trường hợp nghi ngờ qua xét nghiệm công thức máu thường quy để giới thiệu bệnh nhân đến Bệnh viện Huyết học – Truyền máu:

a) Chi phí tổ chức hội thảo mức chi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quy định này;

b) Chi phí xét nghiệm tầm soát: xét nghiệm tổng phân tích tết bào máu ngoại vi 46.200 đồng/mẫu; xét nghiệm Ferritin 80.800 đồng/mẫu; xét nghiệm transferrin 64.600 đồng/mẫu, xét nghiệm sắt huyết thanh 32.300 đồng/mẫu; xét nghiệm điện di hemoglobin 358.000 đồng/mẫu (theo giá quy định Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế).

2. Hỗ trợ cho những người có nhóm máu hiếm Rh âm đến hiến máu tình nguyện cụ thể:

a) Chi tư vấn gọi người có nhóm máu hiếm Rh âm đến hiến máu tình nguyện: mức chi 10.000 đồng/người;

b) Chi người có nhóm máu hiếm Rh âm trong thành phố Cần Thơ tự đi đến Bệnh viện Huyết học - Truyền máu hiến máu tình nguyện: mức chi 300.000 đồng/người;

c) Chi người có nhóm máu hiếm Rh âm ngoài thành phố Cần Thơ tự đi đến Bệnh viện Huyết học - Truyền máu hiến máu tình nguyện: mức chi 400.000 đồng/người;

d) Tổ chức hội thảo nhóm máu hiếm Rh âm khu vực Đồng bằng sông Cửu Long cho đối tượng người có nhóm máu hiếm Rh âm với mục đích nâng cao kiến thức, kỷ năng hoạt động của các Câu lạc bộ người có nhóm máu hiếm Rh

âm nhằm tăng cường vận động tiếp nhận nhóm máu hiếm Rh âm đáp ứng nhu cầu cấp cứu, điều trị, đồng thời góp phần chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với phụ nữ có nhóm máu hiếm Rh âm. Mức chi theo khoản 4, 5 Điều 1 Quy định này;

đ) Tổ chức Hội thảo An toàn truyền máu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long cho đối tượng tình nguyện viên tuyên truyền, vận động, tổ chức hiến máu tình nguyện với mục đích cung cấp kiến thức chuyên môn về xét nghiệm các tác nhân lây truyền qua đường truyền máu. Mức chi theo khoản 4, 5 Điều 1 Quy định này.

Chương 8

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUÂN DÂN Y KẾT HỢP

Điều 18. Chương trình Quân dân y kết hợp

Chi hỗ trợ công tác huấn luyện, diễn tập lực lượng y tế cơ động nhằm đáp ứng yêu cầu can thiệp nhanh trong các tình huống khẩn cấp, mức chi bồi dưỡng diễn tập: 200.000 đồng/người/ngày.

Chương 9

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC SẠCH

Điều 19. Chương trình nước sạch

Ngoại kiểm chất lượng nước sinh hoạt tại các cơ sở cấp nước: mức chi theo thực tế, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

Chương 10

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA CHƯƠNG TRÌNH THEO DÕI, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ TRUYỀN THÔNG Y TẾ

Điều 20. Chương trình Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế

1. Chi sản xuất, biên tập các chương trình, tọa đàm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình): theo đơn giá của Đài Phát thanh, Truyền hình địa phương.

2. Chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác (tờ rơi, áp-phích, pa-nô, khẩu hiệu, đoạn băng hình (video clip)) để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về chương trình: mức chi theo hóa đơn, hợp đồng, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Chi trả nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; thù lao cho người tham gia thực hiện các công việc liên quan đến tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm, người sưu tầm tài liệu, cung cấp thông tin phục vụ cho việc sáng tạo tác

phẩm báo chí, xuất bản phẩm về thông tin, tuyên truyền: mức chi theo Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quy định chế độ nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm, thông tin được đăng trên cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

4. Chi tổ chức mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép

a) Hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 40.000 đồng/người/ngày;

b) Bồi dưỡng người trực tiếp tham gia chiến dịch: 50.000 đồng/người/ ngày;

c) Bồi dưỡng phát thanh viên: 100.000 đồng/người/ngày;

d) Chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện, trang trí, ảnh tư liệu, thuê hội trường, phông, bạt, bàn, ghế, thiết bị loa, đài và các chi phí hợp lý khác. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được duyệt.

5. Xăng xe và công tác phí, phòng nghỉ tham dự hội nghị, tập huấn chuyên môn do Trung ương và các địa phương tổ chức; chi công tác kiểm tra, giám sát, tập huấn thực hiện hoạt động tại địa phương. Mức chi theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ.

6. Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về chính sách, pháp luật, kiến thức liên quan đến chương trình, bao gồm:

a) Chi đăng báo và thông tin trên các phương tiện truyền thông để phát động và thông báo thể lệ cuộc thi: mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được giao;

b) Các khoản chi khác (nếu có) như: xây dựng kịch bản; thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi; thuê dẫn chương trình; chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức; chi giải thưởng cho cá nhân, tập thể, bồi dưỡng cho người phục vụ, người dẫn chương trình (MC); văn phòng phẩm; hỗ trợ chi phí đi lại, tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho người dự thi ở xa nơi tổ chức: theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở./.